

TRƯỜNG:
TỔ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GỢI Ý PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH

MÔN TOÁN, KHỐI 10

(Năm học 2022 - 2023)

Cả năm: 35 tuần x 3 tiết = 105 tiết.

HK1: 18 tuần x 3 tiết = 54 tiết; **HK2:** 17 tuần x 3 tiết = 51 tiết

Tuần	Phân môn	Tiết	Bài học	Yêu cầu cần đạt
HỌC KỲ I (54 tiết) <i>18 tuần x 3 tiết = 54 tiết.</i>				
1	Đại số	1, 2, 3	Chương I. Mệnh đề và tập hợp <i>Bài 1. Mệnh đề (Tiết 1, 2, 3)</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết lập và phát biểu được các mệnh đề toán học, bao gồm: mệnh đề phủ định; mệnh đề đảo; mệnh đề tương đương; mệnh đề có chứa kí hiệu $\forall$, $\exists$; điều kiện cần, điều kiện đủ, điều kiện cần và đủ. - Xác định được tính đúng/sai của một mệnh đề toán học trong những trường hợp đơn giản.
2	Đại số	4	<i>Bài 1. Mệnh đề (Tiết 4)</i>	
		5, 6	<i>Bài 2. Tập hợp và các phép toán trên tập hợp (Tiết 1, 2)</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được các khái niệm cơ bản về tập hợp (tập con, hai tập hợp bằng nhau, tập rỗng) và biết sử dụng các kí hiệu $\subset$, $\supset$, $\emptyset$. - Thực hiện được phép toán trên các tập hợp (hợp, giao, hiệu của hai tập hợp, phần bù của một tập con) và biết dùng biểu đồ Ven để biểu diễn chúng trong những trường hợp cụ thể.
3	Đại số	7, 8	<i>Bài 2. Tập hợp và các phép toán trên tập hợp (Tiết 3, 4)</i>	

Tuần	Phân môn	Tiết	Bài học	Yêu cầu cần đạt
				- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với phép toán trên tập hợp (ví dụ: những bài toán liên quan đến đếm số phần tử của hợp các tập hợp,...).
		9	Bài tập cuối chương I	
4	Đại số	10 - 11	Chương II. Bất phương trình và hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn <i>Bài 3. Bất phương trình bậc nhất hai ẩn</i>	- Nhận biết được bất phương trình bậc nhất hai ẩn. - Biểu diễn được miền nghiệm của bất phương trình bậc nhất hai ẩn trên mặt phẳng tọa độ. - Vận dụng được kiến thức về bất phương trình bậc nhất hai ẩn vào giải quyết bài toán thực tiễn.
		12	<i>Bài 4. Hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn (Tiết 1)</i>	- Nhận biết được hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn. - Biểu diễn được miền nghiệm của hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn trên mặt phẳng tọa độ.
5	Đại số	13-14	<i>Bài 4. Hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn (Tiết 2+3)</i>	- Vận dụng được kiến thức hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn vào giải quyết bài toán thực tiễn (Ví dụ: bài toán tìm cực trị của biểu thức $F = ax + by$ trên một miền đa giác,...).
		15	Bài tập cuối chương II	
6	HH - ĐL	16, 17	Chương III. Hệ thức lượng trong tam giác (7 tiết) <i>Bài 5. Giá trị lượng giác của một góc từ 0^0 đến 180^0</i>	- Nhận biết được giá trị lượng giác của một góc từ 0^0 đến 180^0 - Tính được giá trị lượng giác (đúng hoặc gần đúng) của một góc từ 0^0 đến 180^0 bằng máy tính cầm tay. - Giải thích được hệ thức liên hệ giữa giá trị lượng giác của các góc phụ nhau, bù nhau. - Vận dụng giải một số bài toán có nội dung thực tiễn.
		18	<i>Bài 6. Hệ thức lượng trong tam giác (Tiết 1)</i>	- Giải thích được các hệ thức lượng cơ bản trong tam giác: định lý cosin, định lý sin, công thức tính diện tích tam giác.
7	HH - ĐL	19, 20, 21	<i>Bài 6. Hệ thức lượng trong tam giác (Tiết 2, 3, 4)</i>	- Mô tả được cách giải tam giác và vận dụng được vào việc giải một số bài toán có nội dung thực tiễn (ví dụ: xác định khoảng cách giữa hai địa điểm khi gặp vật cản, xác định chiều cao của vật khi không thể đo trực tiếp,...).
8	HH - ĐL	22	Bài tập cuối chương III	

Tuần	Phân môn	Tiết	Bài học	Yêu cầu cần đạt
	ÔTKT	23, 24	Ôn tập giữa HK1	
	ÔTKT	25	Kiểm tra giữa HKI	
9	HH - ĐL	26, 27	Chương IV. Vector <i>Bài 7. Các khái niệm mở đầu</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được khái niệm vector, vector bằng nhau, vector-không. - Biểu thị được một số đại lượng trong thực tiễn bằng vector.
10	HH - ĐL	28, 29	<i>Bài 8. Tổng và hiệu của hai vector</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được các phép toán tổng và hiệu hai vector. - Mô tả được trung điểm của đoạn thẳng, trọng tâm tam giác bằng vector. - Vận dụng vector trong bài toán tổng hợp lực, tổng hợp vận tốc.
		30	<i>Bài 9. Tích của một vector với một số (Tiết 1)</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được phép toán trên vector (tích của một số với vector) và mô tả được các tính chất hình học (ba điểm thẳng hàng, trung điểm của đoạn thẳng, trọng tâm của tam giác,...) bằng vector.
11	HH - ĐL	31	<i>Bài 9. Tích của một vector với một số (Tiết 2)</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được vector và các phép toán trên vector để giải thích một số hiện tượng có liên quan đến Vật lý và Hoá học (ví dụ: những vấn đề liên quan đến lực, đến chuyển động,...). - Vận dụng được kiến thức về vector để giải một số bài toán hình học và một số bài toán liên quan đến thực tiễn (ví dụ: xác định lực tác dụng lên vật,...).
		32, 33	<i>Bài 10. Vector trong mặt phẳng toạ độ (Tiết 1, 2)</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được toạ độ của vector đối với một hệ trục toạ độ.
12	HH - ĐL	34	<i>Bài 10. Vector trong mặt phẳng toạ độ (Tiết 3)</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm được toạ độ của một vector, độ dài của một vector khi biết toạ độ hai đầu mút của nó. - Sử dụng được biểu thức toạ độ của các phép toán vector trong tính toán. - Vận dụng được kiến thức về toạ độ của vector để giải một số bài toán liên quan đến thực tiễn (ví dụ: vị trí của vật trên mặt phẳng toạ độ,...).
		35, 36	<i>Bài 11. Tích vô hướng của hai vector (Tiết 1, 2)</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tính góc, tích vô hướng của hai vector trong những trường

Tuần	Phân môn	Tiết	Bài học	Yêu cầu cần đạt
13	HH - ĐL	37	<i>Bài 11. Tích vô hướng của hai vectơ (Tiết 3)</i>	<p>hợp cụ thể.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công thức tọa độ của tích vô hướng, tính chất của tích vô hướng. - Vận dụng được phương pháp tọa độ vào bài toán giải tam giác. - Liên hệ khái niệm tích vô hướng với khái niệm công trong Vật lí.
		38	Bài tập cuối chương IV	
	XS - TK	39	<p>Chương V. Các số đặc trưng của mẫu số liệu không ghép nhóm</p> <p><i>Bài 12. Số gần đúng và sai số (Tiết 1)</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được khái niệm số gần đúng, sai số tuyệt đối. - Xác định được số gần đúng của một số với độ chính xác cho trước.
14	XS - TK	40	<i>Bài 12. Số gần đúng và sai số (Tiết 2)</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được sai số tương đối của số gần đúng. - Xác định được số quy tròn của số gần đúng với độ chính xác cho trước. - Biết sử dụng máy tính cầm tay để tính toán với các số gần đúng.
		41, 42	<i>Bài 13. Các số đặc trưng đo xu thế trung tâm</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tính được số đặc trưng đo xu thế trung tâm cho mẫu số liệu không ghép nhóm: số trung bình cộng (hay số trung bình), trung vị (<i>median</i>), tứ phân vị (<i>quartiles</i>), một (<i>mode</i>). - Giải thích được ý nghĩa và vai trò của các số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong thực tiễn. - Chỉ ra được những kết luận nhờ ý nghĩa của số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong trường hợp đơn giản.
15	XS - TK	43, 44	<i>Bài 14. Các số đặc trưng đo độ phân tán</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tính được số đặc trưng đo mức độ phân tán cho mẫu số liệu không ghép nhóm: khoảng biến thiên, khoảng tứ phân vị, phương sai, độ lệch chuẩn. - Giải thích được ý nghĩa và vai trò của các số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong thực tiễn. - Chỉ ra được những kết luận nhờ ý nghĩa của số đặc

Tuần	Phân môn	Tiết	Bài học	Yêu cầu cần đạt
				trung nói trên của mẫu số liệu trong trường hợp đơn giản. - Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức của các môn học trong Chương trình lớp 10 và trong thực tiễn.
	XS - TK	45	Bài tập cuối chương V	
16	TH - TN	46, 47	Hoạt động thực hành trải nghiệm Tìm hiểu một số kiến thức về tài chính	
		48	Mạng xã hội: Lợi và hại (Tiết 1)	
17	TH - TN	49	Mạng xã hội: Lợi và hại (Tiết 2)	
	ÔTKT	50, 51	Ôn tập cuối HKI	
18	ÔTKT	52, 53, 54	Ôn tập và kiểm tra cuối HKI	
HỌC KỲ II (51 tiết) <i>17 tuần x 3 tiết = 51 tiết</i>				
19	Đại số	55, 56, 57	Chương VI. Hàm số, đồ thị và ứng dụng <i>Bài 15. Hàm số (Tiết 1, 2, 3)</i>	- Nhận biết được những mô hình thực tế (dạng bảng, biểu đồ, công thức) dẫn đến khái niệm hàm số. - Mô tả được các khái niệm cơ bản về hàm số: định nghĩa hàm số, tập xác định, tập giá trị, hàm số đồng biến, hàm số nghịch biến, đồ thị của hàm số. - Mô tả được các đặc trưng hình học của đồ thị hàm số đồng biến, hàm số nghịch biến. - Vận dụng được kiến thức của hàm số vào giải quyết bài toán thực tiễn (ví dụ: xây dựng hàm số bậc nhất trên những khoảng khác nhau để tính số tiền y (phải trả) theo số phút gọi x đối với một gói cước điện thoại,...).
20	Đại số	58	<i>Bài 15. Hàm số (Tiết 4)</i>	- Thiết lập được bảng giá trị của hàm số bậc hai. - Vẽ được parabol (parabola) là đồ thị của hàm số bậc hai. - Nhận biết được các yếu tố cơ bản của đường parabol như đỉnh, trục đối xứng.
		59, 60	<i>Bài 16. Hàm số bậc hai (Tiết 1, 2)</i>	
21	Đại số	61	<i>Bài 16. Hàm số bậc hai (Tiết 3)</i>	

Tuần	Phân môn	Tiết	Bài học	Yêu cầu cần đạt
				<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và giải thích được các tính chất của hàm số bậc hai thông qua đồ thị. - Vận dụng được kiến thức về hàm số bậc hai và đồ thị vào giải quyết bài toán thực tiễn (ví dụ: xác định độ cao của cầu, công có hình dạng Parabola,...).
		62, 63	<i>Bài 17. Dấu của tam thức bậc hai (Tiết 1, 2)</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được định lý về dấu của tam thức bậc hai từ việc quan sát đồ thị của hàm bậc hai. - Giải được bất phương trình bậc hai. - Vận dụng được bất phương trình bậc hai một ẩn vào giải quyết bài toán thực tiễn (Ví dụ: xác định chiều cao tối đa để xe có thể qua hầm có hình dạng Parabola,...).
22	Đại số	64	<i>Bài 17. Dấu của tam thức bậc hai (Tiết 3)</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Giải được bất phương trình bậc hai. - Vận dụng được bất phương trình bậc hai một ẩn vào giải quyết bài toán thực tiễn (Ví dụ: xác định chiều cao tối đa để xe có thể qua hầm có hình dạng Parabola,...).
		65, 66	<i>Bài 18. Phương trình quy về phương trình bậc hai</i>	<p>Giải phương trình chứa căn thức có dạng:</p> $\sqrt{ax^2 + bx + c} = \sqrt{dx^2 + ex + f}; \sqrt{ax^2 + bx + c} = dx + e$
	Đại số	67	Bài tập cuối chương VI	
23	HH - ĐL	68, 69	<p>Chương VII. Phương pháp tọa độ trong mặt phẳng</p> <p><i>Bài 19. Phương trình đường thẳng</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được phương trình tổng quát và phương trình tham số của đường thẳng trong mặt phẳng tọa độ. - Thiết lập được phương trình của đường thẳng trong mặt phẳng khi biết: một điểm và một vector pháp tuyến; biết một điểm và một vector chỉ phương; biết hai điểm. - Giải thích được mối liên hệ giữa đồ thị hàm số bậc nhất và đường thẳng trong mặt phẳng tọa độ. - Vận dụng kiến thức về phương trình đường thẳng để giải một số bài toán có liên quan đến thực tiễn.
24	HH - ĐL	70, 71, 72	<i>Bài 20. Vị trí tương đối giữa hai đường thẳng. Góc và khoảng cách</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được hai đường thẳng cắt nhau, song song, trùng nhau, vuông góc với nhau bằng phương pháp tọa độ. - Thiết lập được công thức tính góc giữa hai đường thẳng. - Tính được khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng bằng phương pháp tọa độ. - Vận dụng các công thức tính góc và khoảng cách để giải

Tuần	Phân môn	Tiết	Bài học	Yêu cầu cần đạt
				một số bài toán có liên quan đến thực tiễn.
25	HH - ĐL	73, 74	Bài 21. Đường tròn trong mặt phẳng tọa độ	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết lập được phương trình đường tròn khi biết tọa độ tâm và bán kính; biết tọa độ ba điểm mà đường tròn đi qua; xác định được tâm và bán kính đường tròn khi biết phương trình của đường tròn. - Thiết lập được phương trình tiếp tuyến của đường tròn khi biết tọa độ của tiếp điểm. - Vận dụng được kiến thức về phương trình đường tròn để giải một số bài toán liên quan đến thực tiễn (Ví dụ: bài toán về chuyển động tròn trong Vật lý,...).
		75	Bài 22. Ba đường conic (Tiết 1)	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được ba đường conic bằng hình học. - Nhận biết được phương trình chính tắc của ba đường conic trong mặt phẳng tọa độ. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với ba đường conic (Ví dụ: giải thích một số hiện tượng trong Quang học,...).
26	HH - ĐL	76, 77, 78	Bài 22. Ba đường conic (Tiết 2, 3, 4)	
27	HH - ĐL	79	Bài tập cuối chương VII	
	ÔTKT	80, 81	Ôn tập giữa kì II	
28	ÔTKT	82	Kiểm tra giữa kì II	
	Đại số	83, 84	Chương VIII. Đại số tổ hợp Bài 23. Quy tắc đếm (Tiết 1, 2)	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được quy tắc cộng và quy tắc nhân trong một số tình huống đơn giản (Ví dụ: đếm số khả năng xuất hiện mặt sấp/ngửa khi tung một số đồng xu,...). - Vận dụng được sơ đồ hình cây trong các bài toán đếm đơn giản các đối tượng trong Toán học, trong các môn học khác cũng như trong thực tiễn (Ví dụ: đếm số hợp tử tạo thành trong Sinh học, hoặc đếm số trận đấu trong một giải thể thao,...).
29	Đại số	85, 86	Bài 23. Quy tắc đếm (Tiết 3, 4)	
		87	Bài 24. Hoán vị, chỉnh hợp và tổ hợp (Tiết 1)	- Tính được số hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp.

Tuần	Phân môn	Tiết	Bài học	Yêu cầu cần đạt
30	Đại số	88, 89, 90	Bài 24. Hoán vị, chỉnh hợp và tổ hợp (Tiết 2, 3, 4)	- Tính được số hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp bằng máy tính cầm tay.
31	Đại số	91, 92	Bài 25. Nhị thức Newton	Khai triển nhị thức Newton $(a+b)^n$ với số mũ thấp ($n = 4$ hoặc $n = 5$) bằng cách vận dụng tổ hợp.
		93	Bài tập cuối chương VIII	
32	XS - TK	94, 95	Chương IX. Tính xác suất theo định nghĩa cổ điển Bài 26. Biến cố và định nghĩa cổ điển của xác suất	- Nhận biết được một số khái niệm về xác suất cổ điển: phép thử ngẫu nhiên; không gian mẫu; biến cố (biến cố là tập con của không gian mẫu); biến cố đối; định nghĩa cổ điển của xác suất; nguyên lý xác suất bé. - Mô tả được không gian mẫu, biến cố trong một số thí nghiệm đơn giản (Ví dụ: tung đồng xu hai lần, tung đồng xu ba lần, tung xúc xắc hai lần). - Mô tả tính chất cơ bản của xác suất.
		96	Bài 27. Thực hành tính xác suất theo định nghĩa cổ điển (Tiết 1)	- Tính được xác suất của biến cố trong một số bài toán đơn giản bằng phương pháp tổ hợp (trường hợp xác suất phân bố đều).
33	XS - TK	97, 98	Bài 27. Thực hành tính xác suất theo định nghĩa cổ điển (Tiết 2, 3)	- Tính được xác suất trong một số thí nghiệm lặp bằng cách sử dụng sơ đồ hình cây (Ví dụ: tung xúc xắc hai lần, tính xác suất để tổng số chấm xuất hiện trong hai lần tung bằng 7). - Nắm và vận dụng quy tắc tính xác suất của biến cố đối.
		99	Bài tập cuối chương IX	
34	TH - TN	100, 101	Hoạt động thực hành trải nghiệm Một số nội dung cho hoạt động trải nghiệm hình học	
		102	Ước tính số các thể trong một quần thể	
35	ÔTKT	103, 104, 105	Ôn tập và kiểm tra cuối HK2	

Tuần	Phân môn	Tiết	Bài học	Yêu cầu cần đạt
------	----------	------	---------	-----------------

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

...., ngày tháng năm 20...
HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)